

# Kinh tế phát triển

Bài tập cá nhân

9/26/2011

Lớp: K54CLC

Họ tên: Lê Khánh Linh

Mã sinh viên: 09050058

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

# **1- Khái niệm năng suất lao động**

## **a- Khái niệm năng suất lao động**

Năng suất lao động được định nghĩa bởi OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) là "**Tỷ số giữa sản lượng đầu ra với số lượng đầu vào được sử dụng.**"

Như vậy, nói về năng suất, nhất thiết phải đề cập tới 2 khía cạnh, khía cạnh đầu vào và đầu ra.

Khía cạnh đầu vào thể hiện hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Ba thước đo thường sử dụng nhất của lượng đầu vào là: thời gian làm việc, sức lao động và số người tham gia lao động.

Khía cạnh đầu ra thể hiện giá trị sản phẩm và dịch vụ. Thước đo sản lượng đầu ra thường là GDP (Gross Domestic Product) hoặc GVA (Gross Value Added) tính theo giá cố định, điều chỉnh theo lạm phát. Những cách tiếp cận mới gần đây nhấn mạnh hơn vào khía cạnh đầu ra của năng suất để đáp ứng được với những thách thức của môi trường cạnh tranh và những mong đợi của xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường, năng suất được gắn chặt với các hoạt động kinh tế. Nó được hiểu là làm sao để tạo ra nhiều đầu ra hơn với lượng đầu vào hạn chế. Cải tiến năng suất cho phép tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống cho xã hội. Đối với các doanh nghiệp, nó làm cho khả năng cạnh tranh được tăng lên thông qua việc sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn và tạo ra nhiều đầu ra hơn. Cải tiến năng suất còn có ý nghĩa đối với mỗi cá nhân trong xã hội với cách hiểu tạo ra nhiều của cải hơn, thu nhập cao hơn và chất lượng cuộc sống được cải thiện tốt hơn.

## **b- Năng suất lao động ở các nước đang phát triển**

Ở các nước đang phát triển, năng suất lao động là rất thấp so với các nước phát triển .

So sánh năng suất lao động ở một số nước:

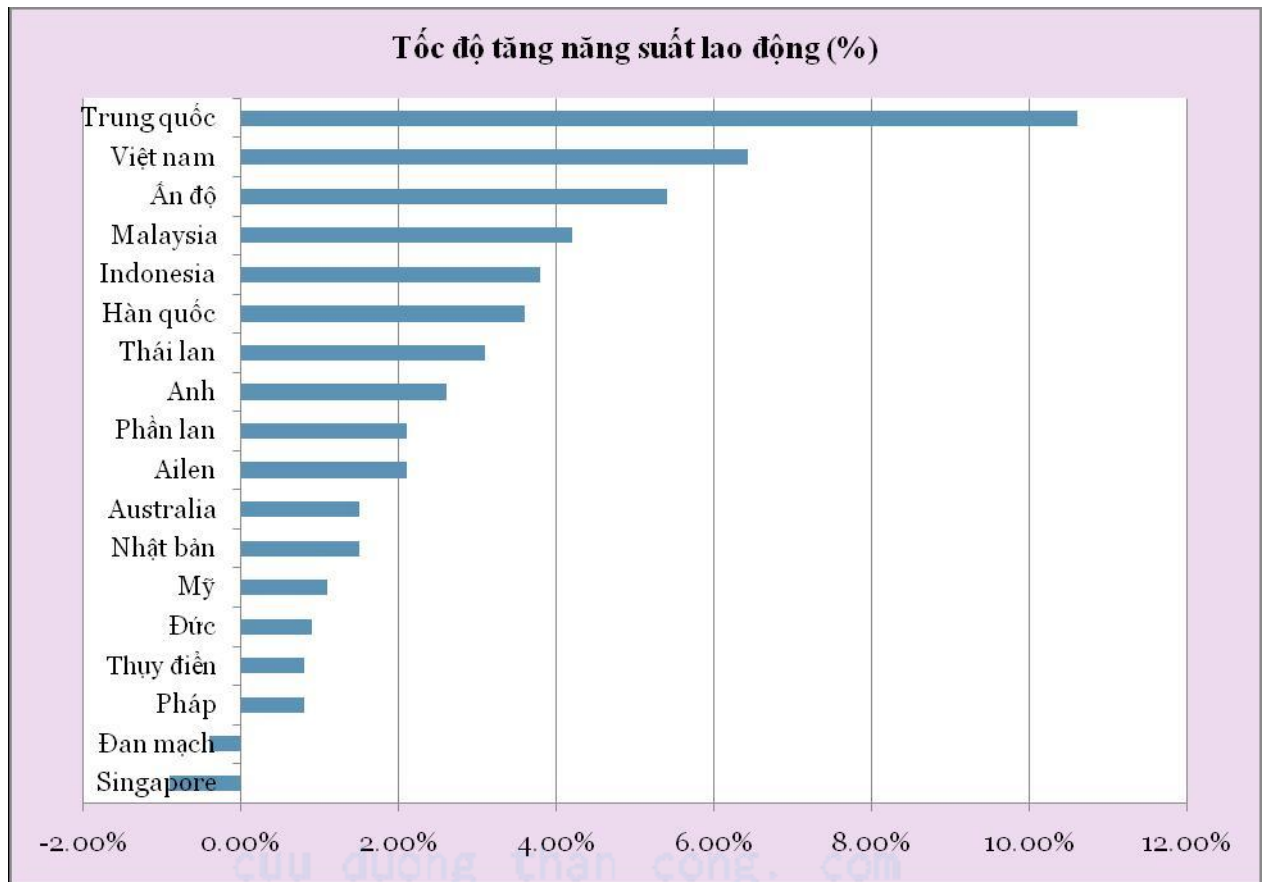
<b>Tên nước</b>	<b>Năng suất lao động (USD/người theo giá cố định 2000)</b>	<b>Tốc độ tăng năng suất lao động</b>
<b>Nhật Bản</b>	<b>81.100</b>	<b>1.5</b>
<b>Mỹ</b>	<b>78.873</b>	<b>1.1</b>
<b>Ailen</b>	<b>65.635</b>	<b>2.1</b>
<b>Thụy Điển</b>	<b>64.239</b>	<b>0.8</b>
<b>Đan Mạch</b>	<b>62.775</b>	<b>(-)0.4</b>
<b>Phân Lan</b>	<b>59.981</b>	<b>2.1</b>
<b>Pháp</b>	<b>58.651</b>	<b>0.8</b>
<b>Anh</b>	<b>55.155</b>	<b>2.6</b>
<b>Đức</b>	<b>52.312</b>	<b>0.9</b>
<b>Singapore</b>	<b>48.638</b>	<b>(-)0.9</b>
<b>Australia</b>	<b>47.363</b>	<b>1.5</b>
<b>Hàn Quốc</b>	<b>29.985</b>	<b>3.6</b>
Malaysia	12.661	4.2
Thái Lan	4.750	3.1
Trung Quốc	2.963	10.6
Indonexia	2.392	3.8
Việt Nam	1.609	6.43
Ấn Độ	1.470	5.4

## **1.2: Năng suất lao động của các nước năm 2007**

*(Báo cáo chỉ tiêu năng suất Việt Nam 2006-2007)*

Qua bảng số liệu ta có thể thấy được phần nào sự cách biệt về năng suất lao động giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Nếu như năng suất lao động của Nhật Bản đạt trên 81000 USD thì chỉ số này ở các nước đang phát triển như Việt Nam, Ấn Độ chỉ xấp xỉ 1500 USD ( $\approx 1.85\%$ ).

Nếu xét về tốc độ tăng năng suất lao động, năng suất lao động của Trung Quốc có tốc độ tăng cao nhất, sau đó đến Việt Nam. Đối với các nước đã phát triển như Singapore, Mỹ, Nhật Bản, thì tốc độ phát triển năng suất đã có xu hướng chậm lại. Thậm chí, đối với Singapore, năng suất lao động đã có xu hướng giảm.



## 1.2: Tốc độ tăng năng suất lao động năm 2007

### c- Nguyên nhân của năng suất lao động thấp ở các nước đang phát triển

#### - ***Yếu tố lao động***

Chất lượng đầu vào của lao động tức là kỹ năng, kiến thức và kỷ luật của đội ngũ lao động là yếu tố quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế. Hầu hết các yếu tố khác như tư bản, nguyên vật liệu, công nghệ đều có thể mua hoặc vay mượn được nhưng nguồn nhân lực thì khó có thể làm điều tương tự. Các yếu tố như máy móc thiết bị, nguyên vật liệu hay công nghệ sản xuất chỉ có thể phát huy được tối đa hiệu quả bởi đội ngũ lao động có trình độ văn hóa, có sức khỏe và kỷ luật lao động tốt. Và thực tế cho thấy ở các nước đang phát triển, phần lớn lực lượng lao động không được đào tạo, hoặc là có song các chương trình và phương thức lại không phù hợp, không mang lại hiệu quả cao. Ngược lại, ở các nước phát triển, cho dù nhiều nền kinh tế bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh song nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn có thể phục hồi và phát triển kinh tế một cách ngoạn mục.

Một ví dụ là nước Đức, "một lượng lớn tư bản của nước Đức bị tàn phá trong Đại chiến thế giới lần thứ hai, tuy nhiên vốn nhân lực của lực lượng lao động nước Đức vẫn tồn tại. Với những kỹ năng này, nước Đức đã phục hồi nhanh chóng sau năm 1945. Nếu không có số vốn nhân lực này thì sẽ không bao giờ có sự thần kỳ của nước Đức thời hậu chiến."

- **Các yếu tố đầu vào bổ sung**

Ở các nước đang phát triển việc tăng nhanh về lực lượng lao động khiến cho các yếu tố đầu vào không đáp ứng được. Việc không thể đầu tư làm tăng tư liệu sản xuất mới, mở rộng đất đai sẽ kìm hãm và làm giảm năng suất lao động.

- **Về tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng**

Theo WHO, suy dinh dưỡng hiện chiếm 11% trong tổng số các vấn đề về sức khỏe trên phạm vi toàn thế giới, và số này tập trung ở các nước đang phát triển. Tình trạng suy dinh dưỡng này sẽ để lại một hệ quả tiêu cực tới sức khỏe cũng như các hệ quả kinh tế - xã hội trực tiếp khác và một trong số đó là sự ảnh hưởng tới năng suất lao động thông qua việc giảm khả năng lao động và giảm phần lợi nhuận có thể thu được.

*Một ví dụ tiêu biểu là ở Việt Nam:*

Các số liệu nghiên cứu của UNICEF đã cho thấy khoảng 1/3 số trẻ em dưới 16 tuổi, tương đương với con số bảy triệu trẻ em có thể bị coi là nghèo vào năm 2006. Khoảng 1/3 số trẻ em dưới năm tuổi bị còi cọc do suy dinh dưỡng kéo dài. Cứ ba trẻ em dưới 5 tuổi thì có hơn một em chưa được tiêm chủng đầy đủ. Gần một nửa tổng số trẻ em không được tiếp cận với thiết bị vệ sinh hợp vệ sinh ngay tại gia đình. Nước và điều kiện vệ sinh môi trường không an toàn là nguyên nhân gây ra 50% trong hầu hết các ca bệnh truyền nhiễm ở Việt Nam trong khi các số liệu năm 2008 cho thấy khoảng 20% trẻ em bị thiếu cân và suy dinh dưỡng.

Chính những yếu tố trên dẫn đến sức khỏe lao động giảm sút và đầu cho nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển như Việt Nam có dồi dào thì năng suất lao động cũng không thể cao trong điều kiện sức khỏe và tinh thần như vậy

- Bên cạnh đó những yếu tố về **năng lực quản lý** cũng như **chính sách của nhà nước** cũng có ý nghĩa quyết định đến sự thúc đẩy năng suất lao động ở các nước. Và một thực tế hiện nay cho thấy việc thiếu năng lực quản lý ở nhiều nước đang phát triển thực sự là một vấn đề cần quan tâm.

## **2- Liên hệ Việt Nam**

Là một nước đang phát triển, Việt Nam đã và đang phải đối mặt với việc năng suất lao động thấp. Như chúng ta đã biết: Năng suất lao động ở các nước đang phát triển thấp là bởi thiếu vốn

tự nhiên (yếu tố cơ bản của sản lượng biên) và chất lượng lao động thấp. Ở Việt Nam hai yếu tố này cùng được biểu hiện một cách khá rõ nét khiến năng suất lao động của nước ta còn rất thấp

**Bảng 3.1 Năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2000-2007**

	NSLĐ tính theo tiền Việt Nam (ĐVT: triệu đồng)	NSLĐ quy đổi thành đô la Mỹ (USD)	NSLĐ tính theo giá cố định năm 1994 (ĐVT: triệu đồng)	Tốc độ tăng NSLĐ (%)
2000	11,74291	829,8	7,276493	4,68
2001	12,48136	-	7,586272	4,25
2002	13,56095	887,9	7,928758	4,51
2003	15,11919	980,9	8,287171	4,52
2004	17,20054	1.090,8	8,715250	5,17
2005	19,73365	1.248,7	9,241939	6,04
2006	22,48017	1.403,5	9,815039	6,20
2007	25,89216	1.609,6	10,44653	6,43
<b>Bình quân 2001-2005</b>	15,61914	-	8,351878	4,49%
<b>Bình quân 2000 - 2007</b>	17,27637	-	7,486946	5,47%

## **Thực trạng**

Dựa vào bảng so sánh 1.2 và bảng 3.1, năng suất lao động của Việt Nam đạt ở mức thấp xấp xỉ năng suất lao động của Ấn Độ và đứng cuối cùng trong số 20 nước được chọn để so sánh. Nếu so với năng suất lao động của Mỹ thì năng suất lao động của Việt Nam chỉ mới bằng 2.04%.

Nếu tách riêng 6 nước trong khối ASEAN có trong bảng trên gồm: Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam thì Xin-ga-po dẫn đầu và Việt Nam tụt nhiên ở vị trí cuối. Năng suất lao động năm 2007 của Việt Nam so với Xin-ga-po = 3.31%, so với Ma-lai-xi-a = 12.7%, so với Thái Lan = 23.87%, và so với In-đô-nê-xi-a = 67.27%. Tuy nhiên, xét về tốc độ tăng năng suất lao động thì trong số những nước này Việt Nam có tốc độ tăng cao (6.43 đứng thứ 2 sau Trung Quốc).

Như vậy, có thể nói, năng suất lao động của Việt Nam còn quá thấp so với năng suất lao động của các nước khác. Tuy nhiên, nếu xét theo xu thế biến động từ năm 2001 - 2007 thì năng suất lao động chung của Việt Nam liên tục tăng lên và có mức tăng khá.

Những năm gần đây, Việt Nam đã chú ý đầu tư vốn và kỹ thuật để phát triển sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế... là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng suất lao động. Tuy vậy, theo số liệu gần đây, với mức tăng 5,13% trong giai đoạn 2001-2010, tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam vẫn là rất thấp so với các nước trong khu vực khi Trung Quốc gấp trên 2 lần so với Việt Nam; Thái Lan gấp 4,5 lần; Malaysia gấp 12 lần và Hàn Quốc gấp 23,5 lần.

Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 2011-2015 của Việt Nam đã xác định chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 7%/năm và năng suất lao động vào năm 2015 đạt 1,5 lần của năm 2010. Đây là những mục tiêu quan trọng và đầy thách thức, nhấn mạnh vai trò của tăng năng suất lao động đối với việc nâng cao mức sống và duy trì tăng trưởng kinh tế mạnh, bền vững.

## **Nguyên nhân**

- Nếu chia theo nhóm ngành thì năng suất lao động thuộc nhóm ngành nông, lâm, nghiệp thấp nhất, chỉ bằng một phần ba mức năng suất lao động chung của cả nước, chỉ bằng một phần tám mức năng suất lao động của nhóm ngành cao nhất là ngành công nghiệp, chưa bằng một phần ba mức năng suất lao động của ngành thủy sản.

Nguyên nhân chủ yếu làm cho năng suất lao động trong nông, lâm nghiệp thấp là do số lao động chiếm tỷ trọng lớn nhất (52,1%), thời gian chưa sử dụng còn nhiều (20%), năng suất cây, con thấp (năng suất lúa của Việt Nam năm 2006 đạt 48,9 tạ/ha, trong khi Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đạt 62 tạ/ha; năng suất ngô đạt 36 tạ/ha, trong khi của Mỹ, Úc, Pháp đạt 80 tạ/ha), còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, tỷ lệ lao động thủ công lớn, giá bán sản phẩm thấp so với các ngành khác và so với thế giới.

Ngành công nghiệp có năng suất lao động cao nhất, nhưng số lượng lao động chiếm tỷ trọng thấp (13,5%), tốc độ tăng chậm, tính gia công và khai thác nguyên nhiên vật liệu còn cao, giá trị tăng thêm thấp, tỷ trọng doanh nghiệp có công nghệ thấp còn lớn (57%), tỷ trọng doanh nghiệp có công nghệ cao chỉ đạt khoảng 20,5%, thấp xa so với các chỉ số tương ứng 40-50% của các nước trong khu vực.

Năng suất lao động các ngành dịch vụ tuy cao hơn mức chung, nhưng vẫn thấp hơn nhóm ngành công nghiệp. Có hai nguyên nhân chủ yếu.

- Một, do số lao động nhóm ngành này tập trung chủ yếu vào ngành thương nghiệp, mà ngành thương nghiệp của ta hiện buôn bán nhỏ còn chiếm tỷ trọng lớn và tính đại lý của thương mại còn lớn; tập trung vào ngành giáo dục, y tế, văn hóa,... là những ngành có giá trị gia tăng thấp.
- Hai, do nhiều hoạt động dịch vụ vẫn còn mang tính kiêm nhiệm ngoài giờ của các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, lúc nông nhàn ở nông thôn nên tính chuyên nghiệp thấp.

- Một nguyên nhân quan trọng nữa là do chất lượng lao động mà biểu hiện trước hết ở tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn rất thấp và tăng rất chậm, hiện mới đạt khoảng một phần tư tổng số. Ngay cả số đã qua đào tạo thì cơ cấu cũng còn nhiều điểm chưa hợp lý.

*Tỷ số người tốt nghiệp các cấp đào tạo theo chuẩn mực của thế giới là 1 cao đẳng, đại học/4 trung cấp chuyên nghiệp/10 học nghề, thì ở nước ta các tỷ số tương ứng là 1 - 0,98 - 3,03, gây ra tình trạng "thiếu thợ nhiều hơn thiếu thầy". Đó là chưa kể trình độ đào tạo cũng còn không ít vấn đề: lý thuyết nhiều hơn tay nghề, thực tế; trung cấp chuyên nghiệp thì nửa thầy nửa thợ, cao đẳng, đại học thì khoa học cơ bản chưa đủ, còn khoa học ứng dụng còn yếu. Cán bộ khoa học, kỹ thuật ở cơ sở, ở thực tiễn thì ít. Trình độ kỹ thuật - công nghệ còn thấp. Năng suất lao động thấp có nguyên nhân từ trình độ công nghệ, nhân lực, năng lực tổ chức, quản lý, đều là những vấn đề liên quan đến "gốc rễ" giáo dục. Gốc rễ nhưng chưa bao giờ có một nỗ lực nghiêm túc.*

- Có nguyên nhân do tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam thuộc loại cao so với nhiều nước như Brunei, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan. Đó là chưa kể Việt Nam chưa có trợ cấp thất nghiệp; nếu kể cả tỷ lệ thời gian không có việc làm ở nông thôn thì tỷ lệ thất nghiệp quy ra còn vượt quá 13,5%, còn cao hơn nhiều các nước trên và cao hơn tỷ lệ của Indonesia và Philippines.

## **Giải pháp**

Như vậy, để nâng cao năng suất lao động, cần giảm hơn nữa tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ không có việc làm ở khu vực nông thôn.

Bên cạnh đó, để nâng cao năng suất lao động cần chuyển dịch mạnh hơn nữa cơ cấu lao động. - Giảm mạnh số lao động thuộc nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản. Tăng mạnh hơn nữa số lao động sang nhóm ngành công nghiệp - xây dựng, vì sử dụng công cụ hiện đại hơn, chuyên môn hoá cao hơn, tính hàng hoá nhiều hơn, tiếp cận với thị trường tốt hơn. Tăng mạnh số lao động vào khu vực dịch vụ, nhất là những ngành có tính động lực như khoa học - công nghệ, tài chính tín dụng, du lịch, dịch vụ; đồng thời cần tăng cường tính chuyên nghiệp, chuyên trách, hạn chế tính kiêm nhiệm như hiện nay. Tất nhiên, để chuyển dịch cơ cấu lao động, cần phải chuyển dịch cơ cấu đầu tư, cơ cấu nhóm ngành kinh tế.

Bên cạnh việc chuyển dịch cơ cấu, để không ngừng nâng cao năng suất lao động chung của toàn nền kinh tế quốc dân, trong thời gian tới chúng ta phải hết sức chú ý đầu tư cho phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý sản xuất, đẩy mạnh đào tạo nâng cao trình độ của người lao động... để phấn đấu tăng năng suất lao động đều hơn ở cả 3 khu vực kinh tế, cũng như tất cả các ngành kinh tế quốc dân. Phải đặc biệt chú ý nâng cao năng suất lao động ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước cũng như nâng cao năng suất lao động ngành nông - lâm nghiệp, vì ở các khu vực và ngành kinh tế này hiện nay trình độ kỹ thuật còn rất thấp, nhưng lại có phạm vi hoạt động rộng và chiếm tỷ lệ lao động rất lớn.